

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ DẦU KHÍ**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ DẦU KHÍ**

Số 206A - Nguyễn Trãi - Từ Liêm - Hà Nội

Tel: 04 35 540 845 Fax: 04 35 540 847

---

**MỤC LỤC**

**NỘI DUNG**

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011.

**Khái quát chung về Công ty**

Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tên giao dịch quốc tế là Hong Ha Petroleum Joint Stock Company, tên viết tắt là HongHa Petroleum.,JSC, tiền thân là Công ty thuộc Công đoàn xây dựng Việt Nam, được giao cho Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng quản lý theo Quyết định số 1361/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ngày 4 tháng 11 năm 1999. Sau đó Công ty Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà được chuyển thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2076/QĐ-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2004 của Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Xây dựng Hồng Hà thuộc Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng thành Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103006903 ngày 14/03/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười hai ngày 29/12/2010 thì:

- Vốn Điều lệ: **200.000.000.000 VND** (Hai trăm tỷ đồng Việt Nam)
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Ngày 17/3/2010, cổ phiếu của Công ty đã niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán PHH:

**Danh sách cổ đông sáng lập:**

<b>Số TT</b>	<b>Tên cổ đông sáng lập</b>	<b>Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức</b>	<b>Số cổ phần</b>
1	Tổng Công ty Sông Hồng		(*)
2	Lê Hoàng Anh	Số 5 ngách 12/2 Nguyễn Phúc Lai, Quận Đống Đa, Hà Nội.	257.100
3	Hoàng Quốc Huy	20 ngách 165/4 Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội	187.960
4	Đoàn Thị Bích Hà	Nhà 6C – P4 Nam Đồng, phường Nam Đồng, quận Đống Đa, Hà Nội	131.100
5	Nguyễn Hải Sơn	42B Hàng Cót, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	1.200
6	Lê Quang Việt	422/18 Hồ Văn Huê, phường 9, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh	146.400
7	Lê Phong	Số 5, Hàng Bún, phường Nguyễn Trung Trực, quận Ba Đình, Hà Nội	17.200

**(\*: Đã chuyển nhượng cổ phần.)**

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

*(tiếp theo)*

**Ngành nghề kinh doanh của Công ty**

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Chuẩn bị mặt bằng; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Đúc kim loại màu; Đúc sắt thép; Sản xuất sắt, thép, gang; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt: quặng bôxít, nhôm, đồng, chì, kẽm, thiếc, mangan, crôm, niken, coban, molybden, tantali, vanadi (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Khai thác quặng sắt; Hoạt động thăm dò nguồn nước; Khảo sát địa chất, trắc địa công trình;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản:
  - + Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản; Dịch vụ môi giới bất động sản;
  - + Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ đấu giá bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản./.
- Tư vấn đầu thầu;
- Kiểm định chất lượng công trình, thẩm tra thiết kế và tổng dự toán công trình (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách du lịch bằng xe ô tô;
- Gia công cơ khí, lắp đặt, bảo hành, bảo trì, sửa chữa, bảo dưỡng các loại máy móc, thiết bị xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Sản xuất, mua bán, cho thuê các loại máy móc thiết bị xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế quy hoạch chung, vùng, chi tiết đối với các khu đô thị;
- Tư vấn đầu tư, thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc, vật tư, thiết bị;
- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp, bất động sản, cho thuê nhà văn phòng, dịch vụ khách sạn, đưa đón khách du lịch;
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, ký gửi hàng hóa; Gia công cơ khí và lắp đặt kết cấu kim loại, gia công chế biến gỗ, trang trí nội ngoại thất;
- Thi công lắp đặt thiết bị chuyên dùng cấp, thoát nước, thang máy, hệ thống điện lạnh, điện máy, thông tin, xử lý môi trường trong các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện đến 110 KV, các công trình ngầm, xử lý nền móng;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi (cầu, đường, bến cảng, đê, đập, kè, kênh mương).

Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC***(tiếp theo)***Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011 và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, gồm:

**Hội đồng quản trị**

- Ông Lê Hoàng Anh
- Ông Hoàng Quốc Huy
- Bà Đoàn Thị Bích Hà
- Ông Trịnh Thanh Giảng
- Ông Trần Văn Long

**Chức vụ**

- Chủ tịch
- Phó Chủ tịch
- Ủy viên
- Ủy viên
- Ủy viên

**Ban Giám đốc**

- Ông Hoàng Quốc Huy
- Bà Đoàn Thị Bích Hà
- Ông Lê Quang Việt
- Ông Trần Văn Long
- Ông Phạm Vinh Hiền
- Bà Lê Hoài Thu

**Chức vụ**

- Tổng Giám đốc
- Phó Tổng giám đốc
- Phó Tổng giám đốc
- Phó Tổng giám đốc
- Phó Tổng giám đốc
- Kế toán trưởng

***Trụ sở chính***

Địa chỉ : 206A, đường Nguyễn Trãi - Từ Liêm - Hà Nội

Tel : 04 35 540 845

Fax : 04 35 540 847

Mã số thuế : 0100109674

**Kiểm toán viên**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

**Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

*(tiếp theo)*

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30/06/2011 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này hay không;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

*Thay mặt Ban Giám đốc*

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ DẦU KHÍ**

---

**Hoàng Quốc Huy**

**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 19 tháng 08 năm 2011*

Số: -11/BC-TC/I-VAE

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2011

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Kính gửi :      Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
                         Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/6/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 được lập ngày 19 tháng 8 năm 2011 của Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") từ trang 09 đến trang 32 kèm theo.

Như đã trình bày trong Báo cáo Ban Giám đốc từ trang 02 đến trang 05, Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

- Trong kỳ, Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công đã ghi nhận hàng bán bị trả lại và giảm giá vốn phát sinh từ hoạt động bán quyền sử dụng văn phòng tầng 5, tầng 6 tại tòa nhà K3B, Thành Công – Hà Nội với giá trị lần lượt là 22.422.920.000 đồng và 9.381.528.086 đồng. Đồng thời ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với giá trị 3.260.347.978 đồng.
- Số dư đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Sản xuất Cửa Hoa Kỳ chưa được kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của những vấn đề nêu trên chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo kết quả công tác soát xét được lập thành 10 bản bằng tiếng Việt, Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí giữ 09 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.

---

**Trần Quốc Tuấn**  
**Tổng Giám đốc**

*Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0148/KTV*

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

---

**Nguyễn Thị Hồng Vân**  
**Kiểm toán viên**

*Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0946/KTV*



Mẫu số B 01a - DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/6/2011	01/01/2011
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>601,067,858,538</b>	<b>698,597,776,739</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.01	<b>36,455,588,815</b>	<b>130,112,931,224</b>
1. Tiền	111		36,455,588,815	129,362,931,224
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	750,000,000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>12,000,000,000</b>	<b>47,000,000,000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	12,000,000,000	47,000,000,000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>279,537,546,676</b>	<b>360,076,709,822</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		154,207,604,113	268,008,093,990
2. Trả trước cho người bán	132		23,063,703,337	23,734,210,866
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	102,266,239,226	68,334,404,966
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>255,697,695,813</b>	<b>150,940,782,563</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.04	255,697,695,813	150,940,782,563
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>17,377,027,234</b>	<b>10,467,353,130</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		703,545,224	15,877,407
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9,362,046,965	1,401,701,187
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	VII.01	7,311,435,045	9,049,774,536
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260+269)	<b>200</b>		<b>273,767,509,231</b>	<b>267,868,793,396</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>800,000,000</b>
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.05	-	800,000,000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>94,640,861,772</b>	<b>99,389,115,385</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	V.07	26,735,398,173	44,991,725,867
- Nguyên giá	222		51,930,924,141	66,344,342,757
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25,195,525,968)	(21,352,616,890)
3. TSCĐ vô hình	227	V.06	491,475,600	491,475,600
- Nguyên giá	228		491,475,600	491,475,600
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	67,413,987,999	53,905,913,918
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.09</b>	<b>3,987,117,500</b>	<b>3,987,117,500</b>
- Nguyên giá	241		3,987,117,500	3,987,117,500
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>126,063,000,000</b>	<b>102,063,000,000</b>
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.10	126,063,000,000	102,063,000,000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3,648,297,959</b>	<b>9,894,608,511</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	3,648,297,959	9,894,608,511
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>	<b>VII.2</b>	<b>45,428,232,000</b>	<b>51,734,952,000</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>874,835,367,769</b>	<b>966,466,570,135</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

(tiếp theo)

Đơn vị tính : VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	01/01/2011
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>590,723,064,448</b>	<b>633,723,300,819</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>479,248,905,419</b>	<b>521,210,381,577</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	49,462,443,422	89,486,620,149
2. Phải trả người bán	312		206,221,001,258	245,179,531,361
3. Người mua trả tiền trước	313		183,178,626,357	158,179,549,521
4. Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	314	V.13	1,339,082,162	9,068,926,747
5. Phải trả người lao động	315		785,516,420	958,117,762
6. Chi phí phải trả	316	V.14	3,429,205,655	22,714,727
9. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	30,932,875,881	14,223,235,086
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3,900,154,264	4,091,686,224
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>111,474,159,029</b>	<b>112,512,919,242</b>
3. Phải trả dài hạn khác	333		749,118,388	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.16	109,658,022,600	112,446,427,120
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.17	819,395,919	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.18	247,622,122	66,492,122
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>244,322,796,461</b>	<b>289,245,654,588</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19</b>	<b>244,322,796,461</b>	<b>289,245,654,588</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		200,000,000,000	200,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		59,696,774,500	59,826,774,500
3. Cổ phiếu quỹ	414		(19,753,522,486)	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		10,714,822,224	10,709,722,224
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2,274,784,888	2,269,684,888
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		4,082,251,900	4,082,251,900
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(12,692,314,565)	12,357,221,076
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>39,789,506,860</b>	<b>43,497,614,728</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)</b>	<b>440</b>		<b>874,835,367,769</b>	<b>966,466,570,135</b>

Hà Nội, ngày 19 tháng 08 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ DẦU KHÍ

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Hải Yến

Lê Hoài Thu

Hoàng Quốc Huy

Mẫu số B 02a - DN/HN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

Đơn vị tính: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>MÃ SỐ</b>	<b>THUYẾT MINH</b>	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011</b>	<b>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010</b>
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.20</b>	<b>243,819,054,406</b>	<b>370,358,016,164</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.21	22,764,210,000	178,393,619
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>VI.22</b>	<b>221,054,844,406</b>	<b>370,179,622,545</b>
<b>(10 = 01 - 02)</b>				
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.23	216,560,795,835	339,947,302,356
<b>5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>4,494,048,571</b>	<b>30,232,320,189</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.24	20,132,425,601	2,307,343,445
7. Chi phí tài chính	22	VI.25	13,502,701,324	4,165,721,748
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>13,502,701,324</i>	<i>4,165,721,748</i>
8. Chi phí bán hàng	24	VII.03	-	39,924,023
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.04	21,856,821,404	18,310,577,674
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(10,733,048,556)</b>	<b>10,023,440,189</b>
11. Thu nhập khác	31	VII.05	472,732,212	630,219,527
12. Chi phí khác	32	VII.06	362,606,458	330,815,442
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>110,125,754</b>	<b>299,404,085</b>
14. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	45		-	-
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(10,622,922,802)</b>	<b>10,322,844,274</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		(2,227,413,776)	2,743,785,958
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		819,395,919	-
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>(9,214,904,945)</b>	<b>7,579,058,316</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		176,690,832	310,192,388
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		(9,391,595,777)	7,268,865,928
<b>21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.27</b>	<b>(470)</b>	<b>1,454</b>

Hà Nội, ngày 19 tháng 08 năm 2011

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ DẦU KHÍ**

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Hải Yến

Lê Hoài Thu

Hoàng Quốc Huy

Mẫu số B 03a - DN/HN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 (Theo phương pháp trực tiếp)

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
<b>I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>					
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ & doanh thu khác	01		563,308,191,635	507,164,698,375
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá & dịch vụ	02		(547,509,700,925)	(454,864,327,133)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03		(13,524,805,638)	(9,893,374,592)
4	Tiền chi trả lãi vay	04		(14,348,197,224)	(4,254,500,498)
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(3,346,768,816)	(470,028,613)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		254,144,953,753	164,444,235,563
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(245,030,778,070)	(224,052,047,763)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(6,307,105,285)</b>	<b>(21,925,344,661)</b>
<b>II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>					
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ & các TS dài hạn khác	21		(13,156,870,588)	(11,355,693,214)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các TS dài hạn khác	22		375,005,176	796,532,000
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(6,500,000,000)	(12,020,000,000)
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		6,500,000,000	-
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(26,375,270,000)	(21,715,700,000)
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		2,718,000,000	-
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8,433,402,021	2,818,006,315
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(28,005,733,391)</b>	<b>(41,476,854,899)</b>
<b>III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>					
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		1,650,000,000	10,592,304,000
2	Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	32		(19,753,522,486)	-
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn đã nhận được	33		43,731,826,124	146,559,811,726
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(84,072,807,371)	(62,894,230,659)
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(900,000,000)	(6,202,420,234)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(59,344,503,733)</b>	<b>88,055,464,833</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(93,657,342,409)</b>	<b>24,653,265,273</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>130,112,931,224</b>	<b>22,765,533,312</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>V.01</b>	<b>36,455,588,815</b>	<b>47,418,798,585</b>

Hà Nội, ngày 19 tháng 08 năm 2011

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ DẦU KHÍ**

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Hải Yến

Lê Hoài Thu

Hoàng Quốc Huy

Mẫu số B 09a - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

**I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tên giao dịch quốc tế là Hong Ha Petroleum Joint Stock Company, tên viết tắt là HongHa Petroleum.,JSC, tiền thân là Công ty thuộc Công đoàn xây dựng Việt Nam, được giao cho Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng quản lý theo Quyết định số 1361/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ngày 4 tháng 11 năm 1999. Sau đó Công ty Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà được chuyển thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2076/QĐ-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2004 của Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Xây dựng Hồng Hà thuộc Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng thành Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103006903 ngày 14/03/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười hai ngày 29/12/2010 thì:

- Vốn Điều lệ: **200.000.000.000 VND** (Hai trăm tỷ đồng Việt Nam)
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Ngày 17/3/2010, cổ phiếu của Công ty đã niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán: PHH

Trụ sở Công ty tại: 206A đường Nguyễn Trãi, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: 04 35 540 845 Fax: 04 35 540 847

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Chuẩn bị mặt bằng; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Đúc kim loại màu; Đúc sắt thép; Sản xuất sắt, thép, gang; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt: quặng bôxít, nhôm, đồng, chì, kẽm, thiếc, mangan, crôm, niken, coban, molybden, tantali, vanadi (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Khai thác quặng sắt; Hoạt động thăm dò nguồn nước; Khảo sát địa chất, trắc địa công trình;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản:
  - + Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản; Dịch vụ môi giới bất động sản;
  - + Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ đấu giá bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản./.
- Tư vấn đầu thầu; Kiểm định chất lượng công trình, thăm tra thiết kế và tổng dự toán công trình (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách du lịch bằng xe ô tô; Gia công cơ khí, lắp đặt, bảo hành, bảo trì, sửa chữa, bảo dưỡng các loại máy móc, thiết bị xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Sản xuất, mua bán, cho thuê các loại máy móc thiết bị xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế quy hoạch chung, vùng, chi tiết đối với các khu đô thị;

**Mẫu số B 09a - DN/HN**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011**  
**(tiếp theo)**

- Tư vấn đầu tư, thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc, vật tư, thiết bị;
- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp, bất động sản, cho thuê nhà văn phòng, dịch vụ khách sạn, đưa đón khách du lịch;
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, ký gửi hàng hóa; Gia công cơ khí và lắp đặt kết cấu kim loại, gia công chế biến gỗ, trang trí nội ngoại thất;
- Thi công lắp đặt thiết bị chuyên dùng cấp, thoát nước, thang máy, hệ thống điện lạnh, điện máy, thông tin, xử lý môi trường trong các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện đến 110 KV, các công trình ngầm, xử lý nền móng;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi (cầu, đường, bến cảng, đê, đập, kè, kênh mương).

Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật.

**4. Danh sách các công ty con được hợp nhất của Công ty**

- Số lượng công ty con: 08 công ty
  - Số lượng công ty con được hợp nhất: 07 công ty
1. Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà số 1
    - Địa chỉ: 206A Nguyễn Trãi - Trung Văn - Từ Liêm - Hà Nội
    - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 75,5%
    - Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 75,5%
  2. Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Quản lý Xây dựng Hồng Hà
    - Địa chỉ: Lô 290 KDC Bình Hòa, P13, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
    - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51%
    - Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%
  3. Công ty CP Tư vấn Thiết kế Hồng Hà Dầu khí
    - Địa chỉ: Tầng 9 Cotana Group Building, CC5A Bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội.
    - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51%
    - Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%
  4. Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí
    - Địa chỉ: Tầng 3 Nhà C, 125 Hoàng Văn Thái, Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội.
    - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 54%
    - Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 54%
  5. Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công
    - Địa chỉ: K3b, ngõ 6A, phố Thành Công, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

**Mẫu số B 09a - DN/HN**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011**  
**(tiếp theo)**

- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%
  
- 6. Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí Hà Nội
  - Địa chỉ: K3B, ngõ 6A phố Thành Công, phường Thành Công, quận Ba Đình, TP Hà Nội.
  - Địa chỉ hiện tại: 206A đường Nguyễn Trãi, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, Hà Nội.
  - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 92,69%.
  - Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 92,69%.
  
- 7. Công ty Cổ phần Sản xuất Cửa Hoa Kỳ
  - Địa chỉ: Cụm công nghiệp thực phẩm Hapro, xã Lê Chi, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
  - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 56,96%.
  - Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 56,96%.
  
- Số lượng công ty con không được hợp nhất: 01 công ty  
Trong kỳ Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn tại Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Quang Long theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 02/2011/QL-CNVG ngày 30/6/2011 cho Công ty CP Xây dựng và Đầu tư thương mại Việt Hàn.

## **II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

### **1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 theo yêu cầu của Ủy ban chứng khoán Nhà nước

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng tiền Việt Nam ("VND"). Hạch toán theo nguyên tắc giá gốc phù hợp với các quy định của Luật kế toán Việt Nam số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung.

## **III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

### **1. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính**

#### ***Các công ty con***

Các công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát được hiểu là khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trực tiếp tại một công ty hoặc có khả năng trực tiếp chi phối các chính sách tài chính hay hoạt động của một đơn vị để thu được các lợi ích kinh tế từ hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí và báo cáo tài chính của các Công ty mà Công ty CP Hồng Hà

Mẫu số B 09a - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011**  
**(tiếp theo)**

Dầu khí nắm giữ trực tiếp trên 50% vốn cổ phần trở lên tại ngày 30/6/2011. Các nghiệp vụ luân chuyển nội bộ giữa Công ty với các Công ty con và giữa các Công ty con với nhau đã được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định và trình bày riêng biệt trong mục “Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số”. Lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các Công ty con.

**2. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

**3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

**4. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung, sử dụng phần mềm kế toán EASY Accounting. Đến thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính Công ty đã in đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán tổng hợp.

**IV. Các chính sách kế toán áp dụng**

**1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, và tiền đang chuyển, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

**2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc.

**Giá gốc hàng tồn kho bao gồm:** Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Phương pháp thực tế đích danh.

**Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

**3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**

**3.1. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và phương pháp khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính



Mẫu số B 09a - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011**  
**(tiếp theo)**

và Thông tư số 203/2009/TT - BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng, tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt, chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao &lt;năm&gt;</i>
- Nhà cửa vật kiến trúc	25
- Phương tiện vận tải	5 - 10
- Máy móc thiết bị	2 - 7
- Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

**3.2. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất lô đất 1269 khu B1-35 Tây Nam Hòa Cường - Phường Hòa Cường Nam - TP Đà Nẵng và 01 lô đất tại Bình Hòa - Bình Thạnh - Thành phố Hồ Chí Minh do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá, được ghi nhận theo nguyên giá, phản ánh trên bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp hình thành bất động sản đầu tư.

**4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Khoản đầu tư dài hạn khác là khoản đầu tư mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Quảng Ninh, Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội và góp vốn vào Công ty TNHH ChacKkaPhanh MiNing Group, Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí và Công ty Cổ phần Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào, được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày đầu tư.

Tại thời điểm 30/6/2011, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

***Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay***

Các khoản vay ngắn hạn của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác**

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ bao gồm giá trị lợi thế kinh doanh, giá trị lợi thế vị trí địa lý, giá trị thương hiệu và chi phí máy móc thiết bị văn phòng... có thời gian phân bổ từ 12 - 24 tháng.

**Mẫu số B 09a - DN/HN**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011**  
**(tiếp theo)**

**7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh khác vào lợi nhuận sau thuế TNDN, cổ tức nhận được từ Công ty con và loại bỏ lợi ích của Cổ đông thiểu số.

Trong kỳ Công ty thực hiện 2 đợt mua cổ phiếu quỹ:

Đợt 1: Theo Nghị quyết 01-1/2011/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 25/01/2011 Công ty thực hiện mua cổ phiếu quỹ với số lượng 1.500.000 cổ phiếu và thời điểm thực hiện từ ngày 08/02/2011 đến 31/03/2011 và thông báo chấp thuận của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ngày 29/02/2011. Kết quả của đợt mua lại cổ phiếu quỹ Công ty đã mua lại 1.000.000 cổ phiếu với tổng giá trị 13.729.670.000 VND.

Đợt 2: Theo Nghị quyết 05-2/2011/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 21/04/2011 Công ty thực hiện mua cổ phiếu quỹ với số lượng 1.500.000 cổ phiếu và thời điểm thực hiện từ ngày 06/05/2011 đến 06/07/2011 và thông báo chấp thuận của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ngày 25/04/2011. Do chưa kết thúc thời hạn mua lại cổ phiếu nên giá trị cổ phiếu quỹ đợt 2 ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2011 là giá trị tạm thời căn cứ vào số tiền đã thanh toán tại tài khoản giao dịch chứng khoán (chưa tính các khoản phí giao dịch và lãi phát sinh từ số dư tiền tại tài khoản) với giá trị 6.023.852.486 VND.

**8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu xây lắp, doanh thu bán, cho thuê máy móc thiết bị, cho thuê văn phòng, nhà xưởng và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

- Doanh thu xây lắp được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu, quyết toán, đã phát hành hoá đơn GTGT, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 15 - “Hợp đồng xây dựng”.
- Doanh thu cho thuê văn phòng, nhà xưởng và máy móc thiết bị được xác định theo thời gian cho thuê thực tế, hóa đơn tài chính đã xuất cho khách hàng và biên bản nghiệm thu thanh lý, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - “Doanh thu và thu nhập khác”.
- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - “Doanh thu và thu nhập khác”.

**9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, sau khi đã trừ đi phần chi phí lãi vay được vốn hóa và chi phí tài chính báo nợ xuống các chi nhánh, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay.

**10. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.**

**10.1. Ghi nhận các khoản phải thu, phải trả**

Nguyên tắc xác định các khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Mẫu số B 09a - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011**  
**(tiếp theo)**

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

Tại thời điểm 30/6/2011, Công ty không tiến hành trích lập dự phòng các khoản công nợ phải thu khó đòi.

**10.2. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hay bất kỳ mục đích nào được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

**10.3. Ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn**

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn, khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội nhằm mục đích mua sắm tài sản cố định, khoản vay qua phát hành trái phiếu của Công ty nhằm mục đích bổ sung vốn kinh doanh.

**10.4. Các nghĩa vụ về thuế**

***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):***

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT là 10% đối với các hoạt động xây lắp và hoạt động khác.

***Thuế Thu nhập doanh nghiệp:***

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25 % trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định Thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

***Các loại thuế khác:***

Ngoài ra, các loại thuế, phí khác Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**10.5. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn**

Giá vốn của Công ty gồm: Giá vốn hoạt động xây lắp, cho thuê Thiết bị, bán Vật tư.

- Giá vốn của hoạt động xây lắp được xác định theo chi phí thực tế của từng công trình phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.
- Giá vốn cho thuê máy móc thiết bị và cho thuê văn phòng, mặt bằng nhà xưởng là chi phí khấu hao và các chi phí khác phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.
- Giá vốn bán BĐS ghi giảm trong kỳ này phù hợp với doanh thu ghi giảm và tương ứng với số chi phí đã kết chuyển để xác định giá vốn năm 2010.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

(tiếp theo)

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	2,081,794,483	959,848,440
Tiền gửi ngân hàng	34,373,794,332	128,403,082,784
Các khoản tương đương tiền	-	750,000,000
<b>Tổng cộng</b>	<b>36,455,588,815</b>	<b>130,112,931,224</b>

**2. Đầu tư ngắn hạn**

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>12,000,000,000</b>	<b>47,000,000,000</b>
Ủy thác quản lý vốn Công ty Tài chính CP Điện lực	12,000,000,000	47,000,000,000
<b>Tổng cộng</b>	<b>12,000,000,000</b>	<b>47,000,000,000</b>

**3. Các khoản phải thu khác**

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
<b>Phải thu khác</b>	<b>102,266,239,226</b>	<b>68,334,404,966</b>
<i>Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí</i>	<i>100,089,673,793</i>	<i>65,794,683,676</i>
Công ty CP Xây dựng và Thương mại Quang Long	18,476,000,000	-
Công ty Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào	61,025,555,900	61,025,555,900
Công ty TNHH Phong Thịnh	11,347,160,000	-
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	3,436,929,990	3,436,929,990
Công ty TNHH Knight Frank Việt Nam	390,000,000	390,000,000
Thu thanh lý tài sản	212,810,000	212,810,000
Bảo hiểm y tế	119,676,500	234,931,280
Tiền phạt thuế	216,054,235	151,764,884
Các đối tượng khác	7,042,052,601	2,882,412,912
<b>Tổng cộng</b>	<b>102,266,239,226</b>	<b>68,334,404,966</b>

**4. Hàng tồn kho**

Mẫu số B 09a - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

(tiếp theo)

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên vật liệu	1,315,304,788	388,293,489
Công cụ dụng cụ	13,155,238	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	253,464,933,246	150,388,797,307
Thành phẩm	904,302,541	163,691,767
<b>Cộng giá gốc Hàng tồn kho</b>	<b>255,697,695,813</b>	<b>150,940,782,563</b>

**5. Phải thu dài hạn khác**

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công ty Bất động sản Thành Nam	-	800,000,000
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>800,000,000</b>

**6. Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Đơn vị tính: VND	
	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư ngày 01/01/2011	491,475,600	491,475,600
Mua trong kỳ	-	-
Tặng khác	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số dư ngày 30/06/2011	491,475,600	491,475,600
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư ngày 01/01/2011	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	-
Số dư ngày 30/06/2011	-	-
<b>Giá trị còn lại</b>		
<b>Tại ngày 01/01/2011</b>	<b>491,475,600</b>	<b>491,475,600</b>
<b>Tại ngày 30/06/2011</b>	<b>491,475,600</b>	<b>491,475,600</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011**

*(tiếp theo)*

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

**30/06/2011**

**01/01/2011**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

(tiếp theo)

	VND	VND
Cao ốc VP 407 Nguyễn An Ninh	1,459,545,736	1,414,091,191
Công trình Cửa Lò	40,778,177	40,778,177
Dự án khu đô thị mới Tứ Hiệp	51,052,184,940	49,839,521,490
Công trình nhà ăn phòng K3 Thành Công	13,290,024,953	2,611,523,060
Xây dựng Nhà máy	1,571,454,193	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>67,413,987,999</b>	<b>53,905,913,918</b>

**9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2011	Tăng trong năm	Giảm trong năm	30/06/2011
<b>Nguyên giá BĐS đầu tư</b>	<b>3,987,117,500</b>	-	-	<b>3,987,117,500</b>
Quyền sử dụng đất	3,987,117,500	-	-	3,987,117,500
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>-</b>	-	-	-
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
<b>Giá trị còn lại của BĐS đầu tư</b>	<b>3,987,117,500</b>			<b>3,987,117,500</b>
Quyền sử dụng đất	3,987,117,500			3,987,117,500

**10. Đầu tư dài hạn khác**

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
<b>Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí</b>	<b>126,063,000,000</b>	<b>102,063,000,000</b>
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Quảng Ninh	2,000,000,000	2,000,000,000
Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí	24,000,000,000	-
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội	18,840,000,000	18,840,000,000
Công ty ChacKkaPhanh MiNing Group	77,022,500,000	77,022,500,000
Công ty Cổ phần kinh doanh Tổng hợp Việt L ào	4,200,500,000	4,200,500,000
<b>Tổng cộng</b>	<b>126,063,000,000</b>	<b>102,063,000,000</b>

**11. Chi phí trả trước dài hạn**

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Giá trị lợi thế vị trí địa lý	357,534,512	715,069,010
Giá trị thương hiệu	75,000,000	150,000,000
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1,452,744,426	2,031,972,657
Chi phí thuê văn phòng	1,667,175,724	109,721,000

Mẫu số B 09a - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

(tiếp theo)

Chi phí cải tạo sửa chữa	93,345,297	108,677,914
Chi phí trả trước khác	2,498,000	6,779,167,930
<b>Tổng cộng</b>	<b>3,648,297,959</b>	<b>9,894,608,511</b>
<b>12. Vay và nợ ngắn hạn</b>		
	<b>30/06/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>49,462,443,422</b>	<b>89,486,620,149</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - CN Thanh Xuân (1)	22,817,199,800	18,583,135,500
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN tây Hà Nội (2)	19,996,419,424	53,283,354,013
Ngân hàng TMCP Quân đội CN Bắc Sài Gòn	-	4,649,421,266
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (3)	6,648,824,198	12,670,709,370
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thanh Xuân	-	300,000,000
<b>Tổng cộng</b>	<b>49,462,443,422</b>	<b>89,486,620,149</b>
<i>(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 63.11.003.5466.TD ngày 30/03/2011 lãi suất thả nổi được xác định bằng tổng của lãi suất tham chiếu và lãi suất biên, thời hạn vay từ 4 đến 6 tháng.</i>		
<i>(2) Khoản vay Ngân hàng Công thương Việt Nam lãi suất thả nổi 20,5%/năm, thời hạn vay 6 tháng.</i>		
<i>(3) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số: 316.10.003.44541 TD ngày 21/4/2010. Số tiền vay, thời hạn vay và lãi suất áp dụng ghi nhận theo từng khế ước cho mỗi lần vay. Đây là hợp đồng tín chấp không đảm bảo bằng tài sản.</i>		
<b>13. Thuế và các khoản phải trả Nhà nước</b>		
	<b>30/06/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế Giá trị gia tăng hàng bán nội địa	731,952,386	2,807,091,109
Thuế thu nhập doanh nghiệp	482,327,552	6,065,433,339
Thuế thu nhập cá nhân	124,802,224	184,420,834
Các loại thuế khác	-	11,981,465
<b>Tổng cộng</b>	<b>1,339,082,162</b>	<b>9,068,926,747</b>
<b>14. Chi phí phải trả</b>		
	<b>30/06/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí trích trước	3,429,205,655	22,714,727
<b>Tổng cộng</b>	<b>3,429,205,655</b>	<b>22,714,727</b>
<b>15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>		
	<b>30/06/2011</b>	<b>01/01/2011</b>



Mẫu số B 09a - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

(tiếp theo)

	VND	VND
	<b>30,932,875,881</b>	<b>14,223,235,086</b>
Kinh phí công đoàn	442,974,564	204,265,506
Bảo hiểm xã hội	176,139,357	30,587,562
Cổ tức phải trả	15,501,978,000	301,978,000
Trả hộ cho Xí nghiệp Xây lắp và Thi công cơ giới số 1	4,013,329,713	-
Ban dự án	1,307,460,126	1,307,460,126
Công ty CP Thanh Phong- Chi nhánh Sơn La	2,284,167,862	1,855,508,650
Xí nghiệp Xây dựng Công trình	4,717,830,757	4,717,830,757
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Thương mại Việt Hàn	-	2,200,000,000
Công ty Xây dựng và Kinh doanh Nhà Kim Sơn	390,000,000	390,000,000
Trường trung cấp cảnh sát vũ trang	200,000,000	200,000,000
Doanh nghiệp tư nhân Vũ Long	-	931,825,000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu cơ điện Thanh Phong	-	390,179,984
Phải trả khác	1,898,995,502	1,693,599,501
<b>Tổng cộng</b>	<b>30,932,875,881</b>	<b>14,223,235,086</b>

**16. Vay và nợ dài hạn**

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - CN Thanh Xuân (*)	9,658,022,600	11,869,827,120
Trái phiếu phát hành (**)	100,000,000,000	100,000,000,000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thanh Xuân	-	576,600,000
<b>Tổng cộng</b>	<b>109,658,022,600</b>	<b>112,446,427,120</b>

(\*) Khoản vay trung hạn Ngân hàng TMCP Quân đội theo hợp đồng vay số 247.09.003.5466.TD thời hạn vay 4 năm, lãi suất thả nổi 10,5%/năm.

(\*\*) Khoản trái phiếu phát hành theo hợp đồng tư vấn và bảo lãnh phát hành số 021-10/TVPH-BLPH/EVNFC-ĐTTV kỳ hạn 2 năm, kỳ trả lãi 6 tháng một lần lãi suất kỳ đầu tiên là 15%/năm, lãi suất các kỳ tiếp theo được điều chỉnh 6 tháng một lần với lãi suất bằng lãi suất bình quân của các lãi suất tiết kiệm cá nhân VND kỳ hạn 12 tháng trả sau, lãi suất biên 4,5%/năm.

**17. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	819,395,919	-
- Khoản hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>819,395,919</b>	<b>-</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011**

(tiếp theo)

18. Doanh thu chưa thực hiện	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công trình Thi ết kế bản vẽ thi công, dự tiết - Công tr ình trụ sở cảnh sát PCCC TP.HCM	12,293,182	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 4	199,912,273	-
Công trình khác	35,416,667	66,492,122
<b>Tổng cộng</b>	<b>247,622,122</b>	<b>66,492,122</b>

**19. Vốn chủ sở hữu**

**19.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư ngày 01/01/2010</b>	<b>50,000,000,000</b>	<b>19,879,625,000</b>	<b>20,263,796,205</b>	<b>90,143,421,205</b>
Tăng vốn trong năm nay	150,000,000,000	43,876,800,000	-	193,876,800,000
Lãi trong năm nay	-	-	18,897,042,965	18,897,042,965
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm khác	-	(3,929,650,500)	(26,803,618,094)	(30,733,268,594)
<b>Số dư ngày 31/12/2010</b>	<b>200,000,000,000</b>	<b>59,826,774,500</b>	<b>12,357,221,076</b>	<b>272,183,995,576</b>
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	(9,391,595,777)	(9,391,595,777)
Giảm khác	-	(130,000,000)	(15,657,939,864)	(15,787,939,864)
<b>Số dư ngày 30/06/2011</b>	<b>200,000,000,000</b>	<b>59,696,774,500</b>	<b>(12,692,314,565)</b>	<b>247,004,459,935</b>

**19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vốn góp của các cổ đông	200,000,000,000	200,000,000,000
<b>Tổng cộng</b>	<b>200,000,000,000</b>	<b>200,000,000,000</b>

**19.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức lợi nhuận, được chia:**

Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
------------------------------	------------------------------

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011**

(tiếp theo)

<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>200,000,000,000</b>	<b>200,000,000,000</b>
Vốn góp đầu năm	200,000,000,000	50,000,000,000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	150,000,000,000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
<b>Vốn góp cuối kỳ</b>	<b>200,000,000,000</b>	<b>200,000,000,000</b>
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>10,250,000,000</b>	<b>10,808,500,000</b>
<b>19.4 Cổ phiếu:</b>		
	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011</b>	<b>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:	-	15,000,000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng:	-	15,000,000
Cổ phiếu phổ thông:	-	15,000,000
Cổ phiếu ưu đãi:	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại:	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	20,000,000	20,000,000
Cổ phiếu phổ thông:	20,000,000	20,000,000
Cổ phiếu ưu đãi:	-	-

**Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu**

**19.5 Các quỹ của doanh nghiệp**

	<b>01/01/2011</b>	<b>Tăng trong năm</b>	<b>Giảm trong năm</b>	<b>Đơn vị tính: VND 30/06/2011</b>
Quỹ đầu tư phát triển	10,709,722,224	5,100,000	-	10,714,822,224
Quỹ dự phòng tài chính	2,269,684,888	5,100,000	-	2,274,784,888
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4,082,251,900	-	-	4,082,251,900
<b>Tổng cộng</b>	<b>17,061,659,012</b>	<b>10,200,000</b>	<b>-</b>	<b>17,071,859,012</b>

**Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:**

Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết của HĐQT và được sử dụng để bổ sung vốn kinh doanh của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính của doanh nghiệp được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị (hoặc đại diện chủ sở hữu). Quỹ dự phòng tài chính được trích lập trong năm từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

Mẫu số B 09a - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

(tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ

**VI.****20. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	222,736,303,772	361,351,787,064
Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản	-	4,050,000,000
Doanh thu hoạt động khác	21,082,750,634	4,956,229,100
<b>Tổng cộng</b>	<b>243,819,054,406</b>	<b>370,358,016,164</b>

**21. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Điều chỉnh giảm doanh thu hoạt động xây lắp	-	178,393,619
Hoạt động xây lắp	341,290,000	-
Hàng bán bị trả lại (BĐS)	22,422,920,000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>22,764,210,000</b>	<b>178,393,619</b>

**22. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	222,395,013,772	361,173,393,445
Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản	(22,422,920,000)	4,050,000,000
Doanh thu khác	21,082,750,634	4,956,229,100
<b>Tổng cộng</b>	<b>221,054,844,406</b>	<b>370,179,622,545</b>

**23. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	206,358,916,817	334,740,886,344
Giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản	(9,381,528,086)	1,762,734,000
Giá vốn hoạt động khác	19,583,407,104	3,443,682,012
<b>Tổng cộng</b>	<b>216,560,795,835</b>	<b>339,947,302,356</b>

**24. Doanh thu hoạt động tài chính**

Mẫu số B 09a - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

(tiếp theo)

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	5,503,150,231	646,944,658
Lãi cổ tức, trái phiếu	1,840,924,760	-
Lãi ký quỹ	23,580	-
Doanh thu tài chính khác	12,788,327,030	1,660,398,787
<b>Tổng cộng</b>	<b>20,132,425,601</b>	<b>2,307,343,445</b>
<b>25. Chi phí tài chính</b>		
	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Chi phí lãi vay	13,502,701,324	4,165,721,748
<b>Tổng cộng</b>	<b>13,502,701,324</b>	<b>4,165,721,748</b>
<b>26. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>		
	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	370,385,345,930	329,583,265,337
Chi phí nhân công	67,035,989,171	71,541,438,694
Chi phí máy thi công	22,201,197,755	13,626,380,635
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3,540,385,304	3,897,473,229
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền	36,974,125,795	49,256,205,752
<b>Tổng cộng</b>	<b>500,137,043,955</b>	<b>467,904,763,647</b>
<b>27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(9,391,595,777)	7,268,865,928
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(9,391,595,777)	7,268,865,928
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	20,000,000	5,000,000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

(tiếp theo)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu (470) 1,454

**VII. Những thông tin khác****1. Tài sản ngắn hạn khác**

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
<b>Tạm ứng</b>	<b>2,028,092,295</b>	<b>1,991,796,178</b>
Đặng Quốc Thái	100,000,000	100,000,000
Nguyễn Hữu Tuất	143,389,351	143,389,351
Đối tượng khác	92,097,374	28,949,011
Hoàng Minh Cường	160,949,342	160,949,342
Nguyễn Vũ Dũng	76,483,000	76,483,000
Trần Thị Tuyết Nhung	88,241,690	88,241,690
Trần Văn Hùng	287,162,827	287,162,827
Phòng kinh doanh 1	281,445,488	281,445,488
Phòng kinh doanh 2	539,922,754	539,922,754
Các đối tượng khác	213,400,469	285,252,715
Nguyễn Kim Long	45,000,000	-
<b>Các khoản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn</b>	<b>5,283,342,750</b>	<b>7,057,978,358</b>
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thanh Xuân	4,887,777,201	6,690,995,158
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	148,618,359	48,875,440
Ký quỹ đảm bảo thanh toán	185,956,840	279,107,760
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Quản lý xây dựng Hồng Hà	39,000,000	39,000,000
Ngân hàng Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm	21,990,350	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>7,311,435,045</b>	<b>9,049,774,536</b>

**2. Lợi thế thương mại**

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Quang Long	-	3,781,350,000
Công ty CP Tư Hiệp Hồng Hà Dầu khí	38,462,500,000	40,725,000,000
Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công	6,827,013,000	7,228,602,000
Công ty Cổ phần Sản xuất Cửa Hoa Kỳ	138,719,000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>45,428,232,000</b>	<b>51,734,952,000</b>

Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá gốc khoản đầu tư của Công ty mẹ và phần giá trị vốn góp thực tế của Công ty mẹ trên Báo cáo tài chính của Công ty con phát sinh khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, được phân bổ đều vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong 10 năm.

**3. Chi phí bán hàng**

Mẫu số B 09a - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

(tiếp theo)

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	39,924,023
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>39,924,023</b>
<b>4. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Chi phí nhân viên qu ân lý	9,996,719,270	9,207,344,720
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	1,112,189,111	1,209,765,646
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,362,001,459	1,442,439,268
Thuế, phí và lệ phí	69,150,300	156,554,362
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4,929,794,690	3,983,702,733
Chi phí bằng tiền khác	1,715,576,574	2,310,770,945
Lợi thế thương mại	2,671,390,000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>21,856,821,404</b>	<b>18,310,577,674</b>
<b>5. Thu nhập khác</b>		
	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	472,732,150	578,881,455
Thu nhập khác	62	51,338,072
<b>Tổng cộng</b>	<b>472,732,212</b>	<b>630,219,527</b>
<b>6. Chi phí khác</b>		
	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	332,390,896	328,797,305
Chi phí khác	30,215,562	2,018,137
<b>Tổng cộng</b>	<b>362,606,458</b>	<b>330,815,442</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011**

*(tiếp theo)*

**8. Thông tin so sánh**

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 của Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

*Hà Nội, ngày 19 tháng 08 năm 2011*

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ DẦU KHÍ**

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**



**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ DẦU KHÍ**

206A đường Nguyễn Trãi, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Tel: 04 5 540 847

Fax: 04 5 540 847

**O TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

*cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011*

*đến ngày 30/06/2011*

**Mẫu số B 09a - DN/HN**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011**

*(tiếp theo)*

**Phạm Thị Hải Yến**

**Lê Hoài Thu**

**Hoàng Quốc Huy**